TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2018/DS-ST.
Ngày: 08-8-2018.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nguyên**.
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông **Nguyễn Văn Hiền**.
+ Ông **Phạm Văn Nam**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Văn Tuấn** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Ngày 08 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2018/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2018 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2018/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Quỹ tín dụng nhân dân A, địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P - Sinh năm: 1976; địa chỉ: Khu phố D, thị trấn E, huyện C, tỉnh Bến Tre (văn bản ủy quyền ngày 23/4/2018, ông P có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị T - Sinh năm: 1979, ông Phạm Duy H - Sinh năm: 1977, cùng địa chỉ: ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 3 năm 2018, lời trình bày trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn có cho bà Lê Thị T, ông Phạm Duy H vay 10.000.000đ (mười triệu đồng) vào ngày 21/7/2016, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất trong hạn là 1,05%/tháng, lãi suất quá hạn 1,575%/tháng. Giữa hai bên có ký hợp đồng tín

dụng 2016.0775/HĐTD ngày 21/7/2016. Sau khi nhận tiền vay thì bà T, ông H không trả tiền lãi và cho đến nay chưa trả được khoản nợ gốc nào. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị T, ông Phạm Duy H phải trả số nợ gốc là 10.000.000đ (mười triệu đồng) và tiền lãi trên số nợ gốc (10.000.000đồng) như sau: Tiền lãi trong hạn: Tính từ ngày 21/7/2016 đến ngày 21/7/2017 với mức lãi suất là 1,05%/tháng. Tiền lãi quá hạn: Tính từ ngày 21/7/2017 đến khi trả hết nợ với mức lãi suất là 1,575%/tháng. Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu gì khác.

Bị đơn là bà Lê Thị T, ông Phạm Duy H vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và cũng không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của ông, bà về những nội dung có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đã nêu trên. Bị đơn là bà Lê Thị T, ông Phạm Duy H vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Nguyên đơn có đơn khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là bà Lê Thị T, ông Phạm Duy H có địa chỉ tại ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Lê Thị T, ông Phạm Duy H đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt bà Lê Thị T, ông Phạm Duy H là phù hợp với quy định tại các điều 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung của hợp đồng tín dụng số 2016.0775/HĐTD ngày 21/7/2016 giữa nguyên đơn với bị đơn có cơ sở xác định được: Vào ngày 21/7/2016, nguyên đơn có cho bà Lê Thị T, ông Phạm Duy H vay 10.000.000đ (mười triệu đồng), thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất trong hạn là 1,05%/tháng, lãi suất quá hạn là 1,575%/tháng. Sau khi nhận tiền vay thì bà Lê Thị T, ông Phạm Duy H không trả lãi và cho đến nay chưa trả được khoản nợ gốc nào nên nguyên đơn yêu cầu bà Lê Thị T, ông Phạm Duy H phải trả số nợ gốc là 10.000.000đ (mười triệu đồng) và tiền lãi trên số nợ gốc (10.000.000đồng) theo mức lãi suất đã thỏa thuận. Xét việc nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi trên số nợ gốc với mức lãi suất trong hạn là 1,05%/tháng, lãi suất quá hạn là 1,575%/tháng, không yêu cầu trả tiền lãi chậm trả của khoản tiền lãi trong hạn là tự nguyện, phù hợp với nội dung đã thỏa thuận được ghi nhận trong hợp đồng tín dụng và phù hợp với quy định tại các điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự. Do vậy, có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn

là bà Lê Thị T, ông Phạm Duy H phải liên đới trả số nợ gốc còn thiếu và tiền lãi được tính như sau:

Tiền lãi trong hạn chưa trả: 10.000.000đồng x 1,05%/tháng x 12 tháng (từ ngày 21/7/2016 đến ngày 21/7/2017) = 1.260.000đ (một triệu hai trăm sáu mươi ngàn đồng).

Tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm: 10.000.000đồng x 1,575%/tháng x 12 tháng 18 ngày (từ ngày 21/7/2017 đến ngày 08/8/2018) = 1.984.500đ (một triệu chín trăm tám mươi bốn ngàn năm trăm đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn là bà Lê Thị T, ông Phạm Duy H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% của số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 357, 466, 468, của Bộ luật Dân sự; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1/ Buộc bà Lê Thị T, ông Phạm Duy H có nghĩa vụ liên đới trả cho Quỹ tín dụng nhân dân A số nợ gốc là 10.000.000đ (mười triệu đồng) và 3.244.500đ (ba triệu hai trăm bốn mươi bốn ngàn năm trăm đồng) tiền lãi.

2/ Bà Lê Thị T, ông Phạm Duy H có nghĩa vụ liên đới trả tiền lãi với mức lãi suất là 1,575%/tháng đối với số nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 09/8/2018 cho đến khi thanh toán xong số nợ gốc.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1) Hoàn trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 301.000đ (ba trăm lẻ một ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0016428 ngày 09/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

3.2) Buộc bà Lê Thị T, ông Phạm Duy H có nghĩa vụ liên đới nộp 662.500đ (sáu trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

riêng bị đơn là bà Lê Thị T, ông Phạm Duy H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng ngày kể từ ngày Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

5/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C, tỉnh Bến Tre;
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Văn Nguyên